

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Duyên

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thanh X**, sinh năm 2003; số CCCD: 038303025877; nơi cư trú: **Thôn Đ, đặc khu C, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Đức T**, sinh năm 2000; số CCCD: 031200008833; nơi cư trú: **Thôn L, đặc khu C, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2026, bản tự khai, nguyên đơn là chị **Trần Thị Thanh X** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Bùi Đức T** quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C** nay là đặc khu **Cát H**, thành phố Hải Phòng vào ngày 01/8/2023.

Quá trình chung sống: Cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm dần lạnh nhạt và không thể hòa hợp, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến việc thi thoảng vợ chồng xảy ra xô xát. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không ai còn quan tâm đến ai. Đến tháng 8/2025, chị và con về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Bùi Đức T**.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu **Bùi Đức Hoàng D**, sinh ngày 05/02/2024. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu **D** cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Bùi Đức T**: Anh **T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không gửi lời khai nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh **T1**.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **X** và anh **T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến đầu năm 2025, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8/2025, anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **X**, cho chị **X** được ly hôn với anh **T1**.

Về con chung: Chị **X** và anh **T1** có 01 con chung là cháu **Bùi Đức Hoàng D**, sinh ngày 05/2/2024. Từ khi anh chị sống ly thân con chung ở với chị **X**. Cháu **D** còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, chị **X** có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị **X**, giao con chung là cháu **D** cho chị **X** trực tiếp nuôi

dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chị X không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị X phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị X và anh T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Bùi Đức T cư trú tại đặc khu C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh X vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Bùi Đức T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh X và anh Bùi Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đầu năm 2025, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn từ kinh tế gia đình, anh chị không còn thương yêu chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ tháng 8/2015 đến nay, chị X và anh T sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, vợ chồng không chung sống cùng nhau, anh chị không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thanh X và anh Bùi Đức T có 01 con chung là cháu Bùi Đức Hoàng D, sinh ngày 05/2/2024. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay

thì cháu **D** do chị **X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con, chị **X** có đủ điều kiện nuôi con, hiện nay cháu **D** dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung là cháu **D** cho chị **X** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị **X** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Thanh X** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Trần Thị Thanh X** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị **Trần Thị Thanh X** và anh **Bùi Đức T** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự**; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Trần Thị Thanh X** được ly hôn với anh **Bùi Đức T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Bùi Đức Hoàng D**, sinh ngày 05/02/2024 cho chị **Trần Thị Thanh X** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Trần Thị Thanh X** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Thanh X** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Trần Thị Thanh X** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng

(ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003501 ngày 02/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị X đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị **Trần Thị Thanh X** và anh **Bùi Đức T** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thị Duyên

Nguyễn Văn Hiếu

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4- Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự khu vực 4-Hải Phòng;
- UBND đặc khu Cát Hải, TP. Hải Phòng (GCNKH số 30/2023 ngày 01/8/2023 TT Cát Hải);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng

Mai Thị Duyên

Nguyễn Minh Hằng

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- UBND phường Trại Chuối, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 20 ngày 03/4/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng

